

Số: 44 /BC-UBND

Kiên Giang, ngày 01 tháng 3 năm 2017

BÁO CÁO

Công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật năm 2016



Thực hiện Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Công văn số 631/KTrVB-VP ngày 18/11/2016 của Cục Kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp về việc báo cáo công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản QPPL. Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang báo cáo công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật năm 2016 như sau:

I. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÔNG TÁC

1. Công tác chỉ đạo, điều hành và các điều kiện đảm bảo cho công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản QPPL:

1.1. Công tác xây dựng thể chế về công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản QPPL:

Thời gian qua, để triển khai thực hiện tốt Nghị định số 40/2010/NĐ-CP, ngày 12/4/2010 của Chính phủ về kiểm tra và xử lý văn bản quy phạm pháp luật; Thông tư số 20/2010/TT-BTP ngày 30/11/2010 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 40/2010/NĐ-CP. Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang đã ban hành Quyết định số 09/2013/QĐ-UBND ngày 03/5/2013 ban hành Quy chế kiểm tra, xử lý văn bản quy phạm pháp luật; Quyết định số 01/2016/QĐ-UBND ngày 12/01/2016 ban hành Quy định về đầu mối chủ trì, cơ chế phân công phối hợp và điều kiện bảo đảm cho công tác rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh Kiên Giang; Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo Sở Tư pháp rà soát để ban hành văn bản mới để bãi bỏ và thay thế Quyết định số 09/2013/QĐ-UBND và Quyết định số 01/2016/QĐ-UBND.

Ngày 26/3/2012, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định số 14/2012/QĐ-UBND quy định một số mức chi bảo đảm cho công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh Kiên Giang.

Đồng thời, ngay từ đầu năm 2016, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch số 07/KH-UBND ngày 18/01/2016 về kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật năm 2016; có 20 sở, ngành và 10 huyện, thị xã, thành phố ban hành Kế hoạch kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật.

1.2. Về tổ chức bộ máy, biên chế, kinh phí; cộng tác viên; công tác xây dựng cơ sở dữ liệu phục vụ kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản QPPL.

- Thực hiện Thông tư liên tịch số 23/2014/TTLT-BTP-BNV ngày 22/12/2014 của Bộ Tư pháp, Bộ Nội vụ hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tư pháp thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Phòng Tư pháp thuộc Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh. Ủy ban nhân dân tỉnh thành lập Phòng Xây dựng và Kiểm tra văn bản QPPL thuộc Sở Tư pháp và bố trí 04 biên chế. Trong đó có 01 Trưởng phòng, 01 Phó Trưởng phòng và 02 chuyên viên.

- Đối với công tác tổ chức cán bộ của tổ chức pháp chế các sở, ngành, thời gian qua Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành 09 quyết định về việc thành lập Phòng Pháp chế tại các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh. Đến nay chỉ có 03 cơ quan có tổ chức bộ máy (phòng/ban được cơ cấu); do không được bổ sung biên chế, có nơi bố trí công chức pháp chế chuyên trách, có nơi bố trí công chức kiêm nhiệm công tác pháp chế (*Kèm theo Mẫu 32a/BTP/VĐC/PC*)

- Phòng Tư pháp thuộc 15 huyện, thị xã, thành phố đều bố trí 1 công chức làm công tác kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản QPPL.

- Kinh phí đã được thực hiện ở cấp tỉnh năm 2016 là 120 triệu đồng; cấp huyện đã được phân bổ trong phần kinh phí nghiệp vụ của Phòng Tư pháp.

- Về đội ngũ cộng tác viên kiểm tra văn bản: Thời gian qua, thực hiện Nghị định số 40/2010/NĐ-CP, Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành Quyết định số 1257/QĐ-UBND ngày 15/6/2012 về Quy chế tổ chức, quản lý cộng tác viên kiểm tra văn bản.

- Về xây dựng hệ cơ sở dữ liệu: Ủy ban nhân dân tỉnh giao Sở Tư pháp cập nhật được 501 văn bản QPPL vào cơ sở dữ liệu văn bản pháp luật quốc gia, phục vụ cho công tác kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản QPPL tại địa phương.

1.3. Công tác tập huấn, hướng dẫn, bồi dưỡng kỹ năng, nghiệp vụ.

- Cử trên 30 lượt công chức của Sở Tư pháp đi dự Hội nghị tập huấn triển khai công tác xây dựng, kiểm tra, rà soát và cập nhật cơ sở dữ liệu quốc gia về văn bản QPPL;

- Ngày 09/01/2017 Ủy ban nhân dân tỉnh đã tổ chức tập huấn trực tuyến về công tác xây dựng, ban hành, kiểm tra, rà soát và hệ thống hóa văn bản QPPL cho gần 900 lượt cán bộ, công chức trực tiếp làm công tác pháp chế các sở, ban, ngành cấp tỉnh và cấp huyện, cấp xã. Đồng thời, chỉ đạo Sở Tư pháp trực tiếp giải đáp những khó khăn, vướng mắc về công tác văn bản đến các cơ quan, tổ chức, cá nhân tại Hội nghị trực tuyến, bằng công văn hoặc tư vấn qua điện thoại.

2. Về công tác kiểm tra, xử lý văn bản QPPL

2.1. Số liệu văn bản QPPL do Ủy ban nhân dân tỉnh, cấp huyện, cấp xã ban hành đã được tự kiểm tra và xử lý:

Từ ngày 01/01/2016 đến ngày 31/12/2016, công tác tự kiểm tra văn bản trên địa bàn tỉnh Kiên Giang tổng số có: 626 văn bản. Qua kiểm tra phát hiện có 64 văn bản có sai sót nhỏ về thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản; đã xử lý xong 64 văn bản bằng hình thức đính chính. Cụ thể là:

Cấp tỉnh: Ủy ban nhân dân tỉnh tự kiểm tra tổng số 41 quyết định¹. Kết quả tự kiểm tra có 41 văn bản ban hành đều đúng thẩm quyền, đúng nội dung và thể thức kỹ thuật trình bày. Tuy nhiên, có 01 văn bản² sai sót nhỏ về thể thức và kỹ thuật trình bày; Ủy ban nhân dân tỉnh đã thực hiện đính chính xong.

Cấp huyện: Ủy ban nhân dân 15/15 huyện, thị xã, thành phố tự kiểm tra 42 văn bản. Kết quả tự kiểm tra, các văn bản ban hành đều đúng thẩm quyền, đúng nội dung và thể thức kỹ thuật trình bày. Tuy nhiên, có 01³ văn bản sai sót về thể thức và kỹ thuật trình bày; cấp huyện kịp thời xử lý xong bằng hình thức đính chính.

Cấp xã: Ủy ban nhân dân cấp xã tự kiểm tra 543 văn bản. Kết quả tự kiểm tra, các văn bản ban hành đều đúng thẩm quyền, đúng nội dung và thể thức kỹ thuật trình bày. Tuy nhiên, có 62 văn bản sai sót về thể thức và kỹ thuật trình bày; cấp xã kịp thời xử lý xong bằng hình thức đính chính.

(có Biểu số 03c/BTP/KTrVB/TKT kèm theo)

2.2. Số liệu văn bản kiểm tra theo thẩm quyền được gửi đến kiểm tra và thực tế đã kiểm tra:

Số liệu văn bản được gửi đến để kiểm tra theo thẩm quyền trên địa bàn tỉnh Kiên Giang năm 2016 là 496 văn bản và thực tế đã kiểm tra 496 văn bản. Qua kiểm tra phát hiện 85 văn bản có sai sót nhỏ về thể thức và kỹ thuật trình bày. Đã xử lý xong 85 văn bản bằng hình thức đính chính. Trong đó:

Sở Tư pháp giúp Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh kiểm tra văn bản theo thẩm quyền 47 văn bản⁴ do Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp huyện ban hành. Phát hiện 04 văn bản sai sót về thể thức và kỹ thuật trình bày. Sở Tư pháp có thông báo đến các cơ quan ban hành văn bản và đính chính kịp thời.

Phòng Tư pháp giúp Chủ tịch Ủy ban nhân dân cùng cấp kiểm tra theo thẩm quyền 449 văn bản do xã, phường, thị trấn ban hành. Qua kiểm tra, phát hiện 79 văn bản có sai sót về thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản; 02 văn bản không phải là văn bản QPPL nhưng có chứa QPPL; cấp xã kịp thời xử lý xong 81 văn bản.

(có Biểu số 04b/BTP/KTrVB/KTTTQ kèm theo)

¹ Có 3 quyết định được ban hành trong năm 2015 và 38 quyết định được ban hành trong năm 2016.

² Quyết định số 11/2016/QĐ-UBND ngày 29/3/2016.

³ Huyện Gò Quao.

⁴ Các huyện, thị xã, thành phố gồm: Rạch Giá; Kiên Lương; Giang Thành; Hà Tiên; Phú Quốc; Vĩnh Thuận; An Minh; Tân Hiệp.

2.3. Đánh giá tình hình thực hiện công tác kiểm tra, xử lý văn bản năm 2016:

Ngay từ đầu năm 2016, Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành Kế hoạch chỉ đạo về công tác kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản QPPL trên địa bàn tỉnh. Từ đó, góp phần cho công tác kiểm tra văn bản ở cấp tỉnh và cấp huyện cơ bản đáp ứng được yêu cầu đề ra, phục vụ cho công cuộc cải cách hành chính, tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa, góp phần nâng cao hiệu quả quản lý Nhà nước ở địa phương.

Ưu điểm: Nhìn chung, tinh thần nhận thức rõ vị trí, tầm quan trọng của công tác kiểm tra, xử lý văn bản QPPL ở địa phương; việc xây dựng và hoàn thiện thể chế, củng cố, kiện toàn tổ chức, biên chế phục vụ công tác kiểm tra, xử lý văn bản QPPL được quan tâm; công tác tự kiểm tra và kiểm tra theo thẩm quyền đối với văn bản do HĐND và UBND các cấp đã được chú trọng thực hiện, phát hiện và xử lý kịp thời; qua kiểm tra không phát hiện có văn bản sai về nội dung, sai về thẩm quyền ban hành.

Hạn chế: Bên cạnh những kết quả đã đạt được nêu trên, công tác kiểm tra, xử lý văn bản ở địa phương còn những hạn chế như:

- Công tác tự kiểm tra, kiểm tra theo thẩm quyền và xử lý văn bản ở cấp huyện có thực hiện nhưng chưa thật sự đi vào nề nếp, chưa phát hiện kịp thời các văn bản có sai sót, chưa đảm bảo theo yêu cầu.

- Công chức làm công tác kiểm tra, xử lý văn bản ở cấp tỉnh, huyện, xã còn hạn chế về chuyên môn; tại các sở, ban, ngành, công chức pháp chế hầu hết là kiêm nhiệm, trong đó có nhiều công chức không có trình độ chuyên môn về luật, lại thường xuyên biến động, nên chất lượng về công tác văn bản chưa đạt yêu cầu.

Nguyên nhân: Trình độ của công chức làm công tác văn bản chưa đồng đều, nhiều công chức còn hạn chế về năng lực chuyên môn, có nhiều đồng chí chưa xác định rõ thế nào là văn bản QPPL nên công tác tham mưu còn nhiều thiếu sót; một số cơ quan, đơn vị, địa phương chưa nhận thức đầy đủ về mục đích, ý nghĩa và phương pháp thực hiện việc tự kiểm tra, kiểm tra theo thẩm quyền các văn bản QPPL, từ đó công tác triển khai thực hiện tự kiểm tra, kiểm tra văn bản chưa đồng bộ; việc gửi văn bản đến cơ quan được phân công tự kiểm tra và cơ quan có thẩm quyền kiểm tra chưa kịp thời, thường chậm hơn quy định.

3. Về công tác rà soát, hệ thống hóa văn bản QPPL

3.1. Số liệu về văn bản phải rà soát, số văn bản đã được rà soát, kết quả rà soát văn bản, tình hình xử lý văn bản được rà soát:

Trong năm 2016, toàn tỉnh đã rà soát, hệ thống hóa được 708 văn bản quy phạm pháp luật. Cụ thể:

- Đối với cấp tỉnh: Số liệu văn bản phải rà soát: 101 văn bản QPPL; số văn bản đã được rà soát 101 văn bản QPPL. Kết quả xử lý văn bản QPPL sau rà soát có 101 văn bản được bãi bỏ hoặc ban hành mới.

- Đối với cấp huyện: Số liệu văn bản phải rà soát: 40 văn bản QPPL; số liệu văn bản đã được rà soát 40 văn bản QPPL; kết quả xử lý văn bản QPPL sau rà soát không có văn bản nào được đề nghị sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc ban hành mới.

Đối với cấp xã: Số liệu văn bản phải rà soát: 567 văn bản QPPL; số liệu văn bản đã được rà soát 567 văn bản QPPL; kết quả xử lý văn bản QPPL sau rà soát có 22 văn bản được đề nghị bãi bỏ hoặc ban hành mới.

(có Biểu số 05c/BTP/KTrVB/RSVB kèm theo)

3.2. Tình hình công bố Danh mục văn bản QPPL hết hiệu lực, ngưng hiệu lực trong năm 2016:

Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định số 246/QĐ-UBND ngày 31/01/2017 công bố Danh mục văn bản QPPL của tỉnh hết hiệu lực toàn bộ và hết hiệu lực một phần.

Tổng số có 101 văn bản, gồm: 47 nghị quyết, 51 quyết định, 03 chỉ thị. *(Trong đó: hết hiệu lực toàn bộ năm 2016: 66 văn bản, gồm: 39 nghị quyết, 27 quyết định; hết hiệu lực một phần năm 2016: 02 quyết định; hết hiệu lực toàn bộ trước ngày 01/01/2016: 32 văn bản, gồm 08 nghị quyết, 21 quyết định, 03 chỉ thị; hết hiệu lực một phần năm 2016: 01 quyết định).*

3.3. Đánh giá chung về chất lượng công tác xây dựng, ban hành văn bản thuộc trách nhiệm rà soát, hệ thống hóa:

Đầu năm 2016, Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Chương trình xây dựng văn bản QPPL với tổng số 85 văn bản, bao gồm 21 Nghị quyết và 64 Quyết định. Đến cuối năm, Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành tổng số 67 văn bản, bao gồm 28 Nghị quyết và 39 Quyết định.

Nhìn chung, việc ban hành các văn bản QPPL ở tỉnh, huyện, xã được tuân thủ chặt chẽ theo đúng trình tự, thủ tục quy định của pháp luật và văn bản nhà nước cấp trên. Các văn bản QPPL trước khi ban hành đều được cơ quan soạn thảo tổ chức lấy ý kiến góp ý của các cơ quan có liên quan và tổng hợp các ý kiến góp ý vào văn bản, chuyển cho cơ quan Tư pháp thẩm định trước khi ban hành, từ đó đã có tác động tích cực tới sự phát triển kinh tế – xã hội và công tác quản lý nhà nước ở địa phương, chất lượng công tác xây dựng, ban hành văn bản trong năm qua được nâng lên, tránh được các sai sót, đáp ứng yêu cầu phục vụ phát triển kinh tế xã hội của tỉnh nhà.

3.4. Đánh giá tình hình thực hiện công tác rà soát, hệ thống hóa văn bản QPPL hoạt động phối hợp trong công tác này trong năm 2016:

Ưu điểm: Ngay từ đầu năm, Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành Kế hoạch chỉ đạo về công tác rà soát, hệ thống hóa văn bản QPPL năm 2016. Từ đó, góp

phần cho công tác rà soát, hệ thống hóa văn bản QPPL ở tỉnh, cấp huyện cơ bản đáp ứng được yêu cầu đề ra. Việc rà soát, hệ thống hóa văn bản được thực hiện thường xuyên, liên tục theo định kỳ. Các cấp, các ngành trong tỉnh đã nhận thức được tầm quan trọng của công tác rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật. Nhìn chung, công tác rà soát, hệ thống hóa văn bản QPPL ở các cấp có bước tiến bộ, nâng lên về mặt nhận thức và chỉ đạo tổ chức thực hiện theo quy định của pháp luật; hầu hết công chức làm công tác tham mưu văn bản đều nghiên cứu và nắm rõ nội dung văn bản luật, được tham gia đầy đủ các lớp tập huấn do cơ quan cấp trên tổ chức, nên đa số đều đảm bảo việc soạn thảo, ban hành văn bản QPPL.

Điều kiện về cơ sở vật chất, trình độ sử dụng, khai thác, ứng dụng công nghệ thông tin của công chức, viên chức ngày được nâng cao.

Hạn chế: Bên cạnh những mặt thuận lợi nêu trên công tác rà soát, hệ thống hóa văn bản QPPL còn một số tồn tại, hạn chế như sau:

Công tác rà soát, hệ thống hóa văn bản QPPL tuy có nhiều cố gắng nhưng tại một số sở, ngành chưa thực hiện tốt công tác này, một số văn bản có căn cứ pháp lý đã bị thay thế, sửa đổi, bổ sung nhưng không được cập nhật kịp thời; công tác cập nhật văn bản quy phạm pháp luật vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật của Sở Tư pháp có thực hiện, nhưng thao tác vẫn còn chậm, xử lý sai sót trong khâu thao tác còn nhiều khó khăn (*vì phần mềm cập nhật văn bản vào cơ sở dữ liệu về quốc gia còn thủ công*), chưa thay đổi dẫn đến cập nhật chậm.

Nguyên nhân: Trình độ của đội ngũ cán bộ, công chức pháp chế các cơ quan chuyên môn cấp tỉnh và công chức cấp huyện về công tác rà soát, hệ thống hóa văn bản QPPL vẫn chưa đồng đều, nhiều công chức còn hạn chế về năng lực chuyên môn; một số cơ quan, đơn vị, địa phương chưa nhận thức đầy đủ về mục đích, ý nghĩa và phương pháp thực hiện công tác rà soát, hệ thống hóa văn bản QPPL. Đồng thời, tại các sở, ban, ngành và UBND các huyện, thị xã, thành phố chưa được bổ sung biên chế, lại kiêm nhiệm nhiều công tác khác; từ đó việc triển khai thực hiện công tác rà soát, hệ thống hóa văn bản QPPL còn nhiều khó khăn.

II. KHÓ KHĂN, VƯỚNG MẮC, KIẾN NGHỊ

1. Những khó khăn, vướng mắc:

- Về tổ chức: Thực hiện Nghị định số 55/2011/NĐ-CP ngày 04/7/2011 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của tổ chức pháp chế. Nghị định nêu việc thành lập Phòng Pháp chế ở các sở, ban, ngành nhưng không giao tăng biên chế, nên đến nay, tuy thành lập được Phòng Pháp chế nhưng mỗi Phòng chỉ có một biên chế, đa số là kiêm nhiệm; mặt khác thông tư liên tịch của chuyên ngành không có công tác pháp chế, từ đó hoạt động công tác này còn hạn chế trong việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ được giao.

- Việc phân biệt giữa văn bản QPPL và văn bản hành chính có nhiều vướng mắc nhất là ở cấp huyện và cấp xã. Từ đó việc xây dựng và ban hành văn bản còn gặp nhiều khó khăn.

2. Kiến nghị và đề xuất:

- Đề nghị Bộ Tư pháp nghiên cứu đề xuất cơ quan có thẩm quyền ban hành văn bản hợp nhất văn bản quy phạm pháp luật của chính quyền địa phương, vì Ủy ban Thường vụ Quốc hội đã ban hành Pháp lệnh hợp nhất văn bản quy phạm pháp luật nhưng chỉ áp dụng đối với văn bản của Trung ương. Hiện nay, trong điều kiện hệ thống pháp luật ở Trung ương và địa phương thường xuyên thay đổi nên việc hợp nhất văn bản quy phạm pháp luật cũng rất cần thiết cho cả Trung ương và địa phương.

- Đề nghị Bộ Tư pháp cần tiếp tục tổ chức các lớp tập huấn chuyên sâu về Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 và Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật cho đối tượng là công chức Sở Tư pháp, Phòng Tư pháp và công chức pháp chế các sở, ban, ngành về nghiệp vụ xây dựng, kiểm tra, xử lý và rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật; vì Luật và Nghị định có nhiều quy định mới mà địa phương chưa thể nắm rõ, từ đó dẫn đến việc tham mưu còn chậm trễ.

Trên đây là báo cáo của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang về công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa QPPL năm 2016./. #2

Nơi nhận:

- Bộ Tư pháp;
- Cục Công tác phía Nam thuộc Bộ Tư pháp;
- TT. Tỉnh ủy; TT. HĐND tỉnh;
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- LĐVP, P. NCPC;
- Lưu: VT, STP. nttrng "HT".

CHỦ TỊCH



Phạm Vũ Hồng

Biểu số 01c/BTP/VĐC/XDPL

Ban hành theo Thông tư số 04/2016/TT-BTP
ngày 03/3/2016

Ngày nhận báo cáo (BC):

BC 6 tháng: ngày 25 tháng 6 hàng năm

BC năm: Ngày 28 tháng 11 hàng năm

BC năm chính thức: Ngày 15 tháng 3 năm sau

**SỐ VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT (VBQPPL)
ĐƯỢC SOẠN THẢO, BAN HÀNH TRÊN ĐỊA BÀN
TỈNH;**

**SỐ DỰ THẢO VBQPPL DO CƠ QUAN TƯ PHÁP TRÊN
ĐỊA BÀN TỈNH THẨM ĐỊNH**

Đơn vị báo cáo:

Sở Tư pháp Kiên Giang

Đơn vị nhận báo cáo:

Bộ Tư pháp (Vụ Kế hoạch - Tài
chính)

Kỳ báo cáo: Năm chính thức
(Từ ngày 01 tháng 01 năm 2016
đến ngày 31 tháng 12 năm 2016)

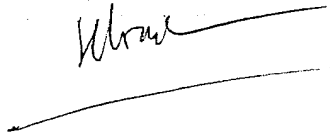
	Số VBQPPL được chủ trì soạn thảo (bao gồm kỳ trước chuyển sang)			Số VBQPPL đã được ban hành			Số dự thảo VBQPPL được thẩm định						
	Tổng số	Chia theo tên loại VBQPPL		Tổng số	Chia theo tên loại VBQPPL		Số văn bản do Phòng Tư pháp đã thẩm định			Số văn bản do Sở Tư pháp đã thẩm định			
		Nghị quyết của Hội đồng nhân dân (HĐND)	Quyết định của Ủy ban nhân dân (UBND)		Nghị quyết của HĐND	Quyết định của UBND	Tổng số	Chia theo tên loại văn bản		Thẩm định đề nghị xây dựng Nghị quyết của HĐND cấp tỉnh do UBND cấp tỉnh trình	Thẩm định VBQPPL		
								Số Nghị quyết của HĐND	Số Quyết định của UBND		Tổng số	Chia theo tên loại văn bản	
Số Nghị quyết của HĐND	Số Quyết định của UBND	Tổng số	Nghị quyết của HĐND cấp tỉnh do UBND cấp tỉnh trình	Quyết định của UBND cấp tỉnh									
					A	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
Tổng số trên địa bàn tỉnh	657	589	68	655	589	66	36	31	5	0	69	28	41
I. Tại cấp tỉnh	69	28	41	67	28	39	0	0	0		69	28	41

II. Tại cấp huyện	56	51	5	56	51	5	36	31	5				
TP Rạch Giá	6	6	0	6	6	0	1	1	0	-	-	-	-
Thị xã Hà Tiên	9	9	0	9	9	0	9	9	0	-	-	-	-
Huyện An Biên	0	0	0	0	0	0	0	0	0	-	-	-	-
An Minh													
Giang Thành	6	5	1	6	5	1	4	3	1	-	-	-	-
Giồng Riềng	3	3	0	3	3	0	0	0	0	-	-	-	-
Gò Quao	1	1	0	1	1	0	0	0	0	-	-	-	-
Hòn Đất	2	0	2	2	0	2	2	0	2	-	-	-	-
Kiên Hải	3	3	0	3	3	0	3	3	0	-	-	-	-
Kiên Lương	5	5	0	5	5	0				-	-	-	-
Phú Quốc	7	7	0	7	7	0	4	4	0	-	-	-	-
Tân Hiệp	4	3	1	4	3	1	4	3	1	-	-	-	-
Vĩnh Thuận	1	1	0	1	1	0	0	0	0	-	-	-	-
U Minh Thượng													
Châu Thành	9	8	1	9	8	1	9	8	1	-	-	-	-
Tại Cấp xã	532	510	22	532	510	22							
TP Rạch Giá	9	9	0	9	9	0				-	-	-	-
Thị xã Hà Tiên	20	18	2	20	18	2				-	-	-	-
Huyện An Biên	30	30	0	30	30	0				-	-	-	-
An Minh													
Giang Thành	33	26	7	33	26	7				-	-	-	-
Giồng Riềng	55	55	0	55	55	0				-	-	-	-
Gò Quao	50	50	0	50	50	0				-	-	-	-
Hòn Đất	89	81	8	89	81	8				-	-	-	-
Kiên Hải	28	24	4	28	24	4				-	-	-	-
Kiên Lương	28	27	1	28	27	1				-	-	-	-
Phú Quốc	25	25	0	25	25	0				-	-	-	-
Tân Hiệp	45	45	0	45	45	0				-	-	-	-
Vĩnh Thuận	30	30	0	30	30	0				-	-	-	-
U Minh Thượng										-	-	-	-

Châu Thành	90	90	0	90	90	0				-	-	-	-
------------	----	----	---	----	----	---	--	--	--	---	---	---	---

- Số liệu ước tính: 01 tháng đối với báo cáo 6 tháng; 02 tháng đối với báo cáo năm;
- Số liệu ước tính Cột 1:; Cột 4:; Cột 7:; Cột 10:; Cột 11:

Người lập biểu



Lý Thị Ngọc Kiều

Người kiểm tra



Lê Hoàng Thắng

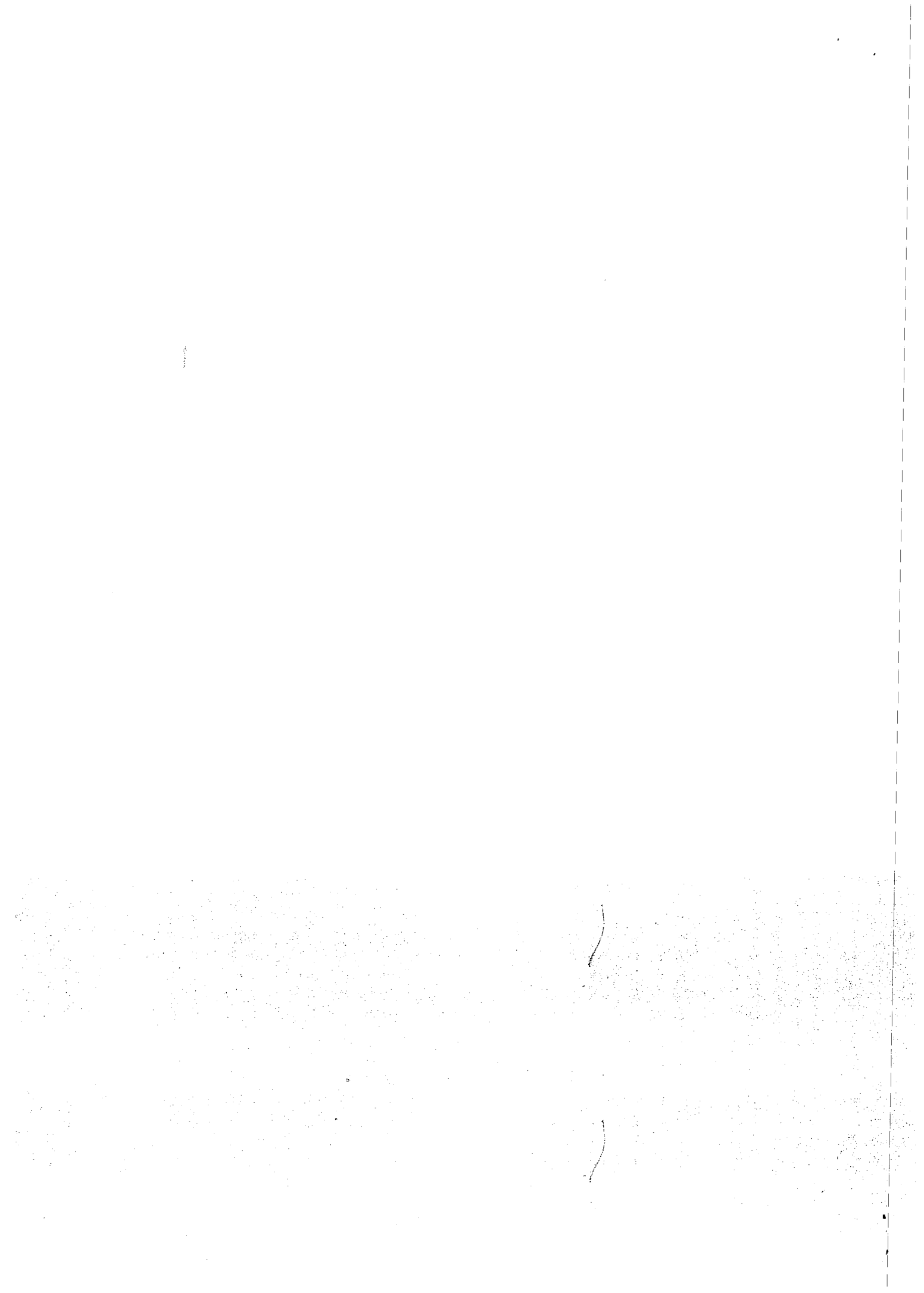
Kiên Giang, ngày 24 tháng 02 năm 2017

KT. GIÁM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC




Nguyễn Việt Thắng

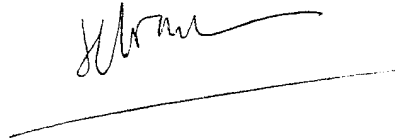


Giang Thành	39	39	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
Giồng Riềng	58	58	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
Gò Quao	51	51	0	51	51	0	51	0	51	51	51	0	0
Hòn Đất	91	91	0	6	6	0	6	0	6	6	6	0	0
Kiên Hải	31	31	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
Kiên Lương	33	33	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
Phú Quốc	37	37	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
Tân Hiệp	49	49	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
Vĩnh Thuận	31	31	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
U Minh Thượng													
Châu Thành	91	91	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0

- Số liệu ước tính: 01 tháng đối với báo cáo 6 tháng; 02 tháng đối với báo cáo năm;

- số liệu ước tính: cột số 1:.....; cột số 9:.....

Người lập biểu



Lý Thị Ngọc Kiều

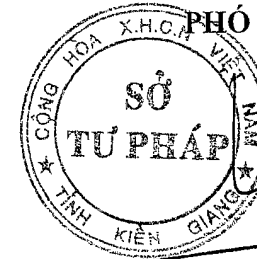
Người kiểm tra



Lê Hoàng Thắng

Kiên Giang, ngày 24 tháng 02 năm 2017

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Nguyễn Việt Thắng

Biểu số: 04b/BTP/KTrVB/KTTTQ

Ban hành theo Thông tư số 04/2016/TT-BTP ngày 03/3/2016

Ngày nhận báo cáo (BC):

BC 6 tháng: ngày 25 tháng 6 hàng năm

BC năm: Ngày 28 tháng 11 hàng năm

BC năm chính thức: Ngày 15 tháng 3 năm sau

**KẾT QUẢ KIỂM TRA, XỬ LÝ VĂN BẢN
THEO THẨM QUYỀN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH**

Kỳ báo cáo: Năm chính thức
(Từ ngày 01 tháng 01 năm 2016
đến ngày 31 tháng 12 năm 2016)

Đơn vị báo cáo:

Sở Tư pháp Kiên Giang

Đơn vị nhận báo cáo:

Bộ Tư pháp (Vụ Kế hoạch - Tài chính)

Đơn vị tính: Văn bản

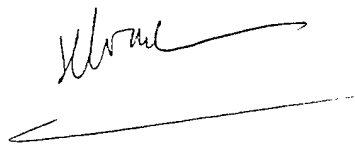
	Số văn bản (VB) tiếp nhận để kiểm tra theo thẩm quyền (bao gồm từ kỳ trước chuyển sang)			Số VB đã kiểm tra			Số VB phát hiện trái pháp luật					Số VB phát hiện trái pháp luật đã xử lý				
	Tổng số	Chia ra		Tổng số	Chia ra		Tổng số	Chia ra				Tổng số	Chia ra			
		Văn bản quy phạm pháp luật (VBQPP L)	VB không phải là VBQPP L thuộc đối tượng kiểm tra		VBQPP L	VB không phải là VBQPP L thuộc đối tượng kiểm tra		VBQPPL		VB không phải là VBQPP L nhưng có chứa quy phạm pháp luật	Đã xử lý trong kỳ báo cáo		VB của các kỳ trước được xử lý trong kỳ này			
								Tổng số	Chia ra		Tổng số		Trong đó: Số VBQP PL	Tổng số	Trong đó: Số VBQP PPL	
							Sai về thẩm quyền ban hành, nội dung	Các sai khác								
A	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)
Tổng số trên địa bàn tỉnh	496	494	2	496	494	2	85	83	0	83	2	85	85	83	0	0
1. Tại UBND cấp tỉnh	47	47	0	47	47	0	4	4	0	4	0	4	4	4	0	0

2. Tại UBND cấp huyện	449	447	2	449	447	2	81	79	0	79	2	81	81	79	0	0
TP Rạch Giá	10	8	2	10	8	2	10	8	0	8	2	10	10	8	0	0
Thị xã Hà Tiên	20	20	0	20	20	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
An Biên	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
An Minh																
Giang Thành	39	39	0	39	39	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
Giồng Riềng	58	58	0	58	58	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
Gò Quao	50	50	0	50	50	0	50	50	0	50	0	50	50	50	0	0
Hòn Đất	35	35	0	35	35	0	4	4	0	4	0	4	4	4	0	0
Kiên Hải	28	28	0	28	28	0	3	3	0	3	0	3	3	3	0	0
Kiên Lương	28	28	0	28	28	0	2	2	0	2	0	2	2	2	0	0
Phú Quốc	6	6	0	6	6	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
Tân Hiệp	45	45	0	45	45	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
Vĩnh Thuận	31	31	0	31	31	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
U Minh Thượng																
Châu Thành	99	99	0	99	99	0	12	12	0	12	0	12	12	12	0	0

- Số liệu ước tính: 01 tháng đối với báo cáo 6 tháng; 02 tháng đối với báo cáo năm;

- Số liệu ước tính Cột 4:.....; Cột 12:.....

Người lập biểu



Lý Thị Ngọc Kiều

Người kiểm tra



Lê Hoàng Thắng

Kiên Giang, ngày 24 tháng 02 năm 2017

KT. GIÁM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC



Nguyễn Việt Thắng

Biểu số: 05c/BTP/KTrVB/RSVB

Ban hành theo Thông tư số 04/2016/TT-BTP ngày 03/3/2016

Ngày nhận báo cáo (BC):

BC năm: Ngày 28 tháng 11 hàng năm

BC năm chính thức: Ngày 15 tháng 3 năm sau

SỐ VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT ĐÃ ĐƯỢC RÀ SOÁT TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH

Kỳ báo cáo: Năm chính thức

(Từ ngày 01 tháng 01 năm 2016

đến ngày 31 tháng 12 năm 2016)

Đơn vị báo cáo:

Sở Tư pháp Kiên Giang

Đơn vị nhận báo cáo:

Bộ Tư pháp (Vụ Kế hoạch - Tài chính)

Đơn vị tính: Văn bản

	Số văn bản quy phạm pháp luật (VBQPPL) phải được rà soát (trong kỳ báo cáo)			Kết quả xử lý VBQPPL sau rà soát trong kỳ báo cáo (số văn bản được đề nghị sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc ban hành mới)			Kết quả xử lý VBQPPL chưa xử lý xong của các kỳ trước (số văn bản được đề nghị sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc ban hành mới)		
	Tổng	Chia ra		Tổng số	Chia ra		Tổng số	Chia ra	
		Đã được rà soát	Chưa được rà soát		Đã xử lý	Chưa xử lý		Đã xử lý	Chưa xử lý
A	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
Tổng số trên địa bàn tỉnh	708	708	0	123	123	0	0	0	0
1. Tại UBND cấp tỉnh	101	101	0	101	101	0	0	0	0
2. Tại địa bàn huyện	607	607	0	22	22	0	0	0	0
TP Rạch Giá	15	15	0	0	0	0	0	0	0
Thị xã Hà Tiên	29	29	0	0	0	0	0	0	0
An Biên	30	30	0	7	7	0	0	0	0
An Minh									
Giang Thành	39	39	0	0	0	0	0	0	0
Giồng Riềng	58	58	0	0	0	0	0	0	0
Gò Quao	51	51	0	0	0	0	0	0	0

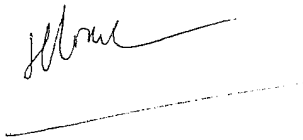
Hòn Đất	105	105	0	13	13	0	0	0	0
Kiên Hải	31	31	0	0	0	0	0	0	0
Kiên Lương	33	33	0	2	2	0	0	0	0
Phú Quốc	45	45	0	0	0	0	0	0	0
Tân Hiệp	49	49	0	0	0	0	0	0	0
Vĩnh Thuận	31	31	0	0	0	0	0	0	0
U Minh Thượng									
Châu Thành	91	91	0	0	0	0	0	0	0

Kiên Giang, ngày 24 tháng 02 năm 2017

Người lập biểu

Người kiểm tra

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC





Nguyễn Việt Thắng

Lý Thị Ngọc Kiều

Lê Hoàng Thắng

Biểu số 32b/BTP/VĐC/PC

Ban hành theo Thông tư số 04/2016/TT-BTP ngày 03/3/2016

Ngày nhận báo cáo (BC):

- BC năm: Ngày 28 tháng 11 hàng năm

- BC năm chính thức: Ngày 15 tháng 3 năm sau

SỐ TỔ CHỨC PHÁP CHẾ VÀ CÁN BỘ

PHÁP CHẾ TẠI CƠ QUAN CHUYÊN

MÔN THUỘC UBND CẤP TỈNH

(Năm)

Kỳ báo cáo: Năm chính thức

(Từ ngày 01 tháng 01 năm 2016

đến ngày 31 tháng 12 năm 2016)

Đơn vị báo cáo:

Sở Tư pháp Kiên Giang

Đơn vị nhận báo cáo:

Bộ Tư pháp

(Vụ Kế hoạch - Tài chính)

Tên cơ quan/ tên tỉnh, thành phố Trung ương	Tổ chức pháp chế			Công chức viên chức làm công tác pháp chế (Người)								
	Có tổ chức bộ máy (Phòng / Ban thuộc cơ cấu)	Chưa thành lập tổ chức, cử công chức, viên chức chuyên trách	Chưa thành lập tổ chức, cử công chức, viên chức kiêm nhiệm	Tổng số	Chia theo tính chất		Chia theo trình độ chuyên môn			Chia theo thâm niên		
					Chuyên trách	Kiêm nhiệm	Chuyên môn luật			Chuyên môn khác	Từ 5 năm trở lên	Dưới 5 năm
							Trung cấp	Đại học	Sau đại học			
(A)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
Tổng số	3	5	7	21	10	11	0	9	1	11	10	11
Sở Tài chính			1	1		1		1			1	
Sở Văn hóa thể thao và Du lịch			1	1		1		1				1
Thanh Tra tỉnh			1	1		1		1			1	
Sở Thông tin và Truyền thông			1	1		1				1		1
Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn		1		1	1			1				1

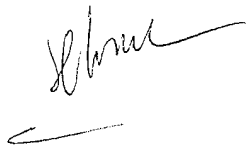
Sở Lao động Thương binh và Xã hội			2	2		2			2		2	
Sở Công thương	1			5	1	4		2		3	4	1
Sở Giao thông vận tải	1			3	3			1		2	1	2
Sở Khoa học và Công nghệ		1		1	1					1		1
Sở Nội vụ		2		2	2			1		1	1	1
Sở Ngoại vụ												
Sở Y tế	1			1	1			1			1	
Sở Giáo dục và Đào tạo		1		1	1				1		1	
Sở Xây dựng			1	1		1				1		1

- Số liệu ước tính: 02 tháng đối với báo cáo năm;

- Số liệu ước tính Cột 4:

Kiên Giang, ngày 24 tháng 02 năm 2017

Người lập biểu



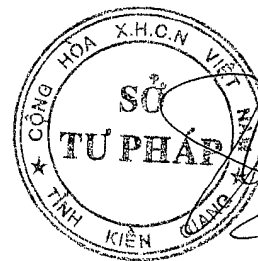
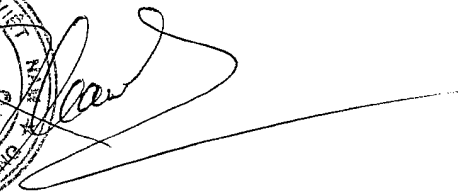
Lý Thị Ngọc Kiều

Người kiểm tra



Lê Hoàng Thắng

GIÁM ĐỐC

Huỳnh Thanh